

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường  
Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

---

**NỘI DUNG**

Số

Trang

Báo cáo của Ban Giám đốc

02-03

Báo cáo kiểm toán độc lập

04-05

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

06-38

Bảng cân đối kế toán

06-07

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

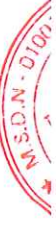
08

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

09-10

Thuyết minh Báo cáo tài chính

11-38



## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường  
Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	Bỏ nhiệm từ ngày 29/01/2015
Ông Nguyễn Đăng Lanh	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/01/2015
Ông Hoàng Công Tuấn	Ủy viên	Bỏ nhiệm từ ngày 29/01/2015
Ông Nguyễn Văn Đại	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/01/2015
Ông Nguyễn Chính Đại	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	Bỏ nhiệm từ ngày 14/07/2015
Ông Trần Nhân Nghĩa	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 25/06/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Công Tuấn	Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 16/01/2015
Ông Nguyễn Công Hùng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/01/2015
Ông Nguyễn Chính Đại	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó Giám đốc	
Ông Lê Công Viên	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 8/1/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Len	Trưởng ban	Bỏ nhiệm từ ngày 29/01/2015
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 29/01/2015
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2015
Ông Quán Thanh Sơn	Thành viên	
Ông Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên	Bỏ nhiệm từ ngày 15/07/2015

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường  
Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Công Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016



Số: 232/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được lập ngày 18 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0063-2013-002-1

**Vũ Xuân Biển**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0743-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2016*

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>279.205.563.822</b>	<b>209.795.236.850</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	17.799.277.018	15.824.868.599
111	1. Tiền		17.799.277.018	9.824.868.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	6.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	18.536.671.886	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		18.286.671.886	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		124.991.789.802	115.162.288.603
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	106.233.067.436	106.234.469.109
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		8.442.250.039	3.765.814.401
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	11.036.303.089	5.766.773.492
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(719.830.762)	(604.768.399)
140	IV. Hàng tồn kho	8	113.978.904.872	77.806.723.564
141	1. Hàng tồn kho		113.999.942.404	77.827.761.096
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.037.532)	(21.037.532)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.898.920.244	1.001.356.084
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	560.431.968	230.944.150
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.338.488.276	770.411.934
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>83.368.929.761</b>	<b>64.585.445.506</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.000.000	196.496.190
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	8.000.000	196.496.190
220	II. Tài sản cố định		76.311.622.717	60.888.201.742
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	76.311.622.717	60.888.201.742
222	- Nguyên giá		117.853.748.775	92.914.048.823
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(41.542.126.058)	(32.025.847.081)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	2.669.800.221	1.213.907.221
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.669.800.221	1.213.907.221
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.379.506.823	2.286.840.353
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	4.379.506.823	2.286.840.353
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>362.574.493.583</b>	<b>274.380.682.356</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>237.966.689.484</b>	<b>207.679.048.385</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>214.442.228.556</b>	<b>195.244.044.609</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	45.334.860.919	35.791.913.683
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		43.541.501.245	48.855.307.235
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.103.879.760	7.639.818.764
314	4. Phải trả người lao động		12.537.207.510	9.519.736.721
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.292.942.583	4.220.819.602
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.401.593.758	2.187.245.277
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	99.467.812.298	86.445.241.996
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		762.430.483	583.961.331
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>23.524.460.928</b>	<b>12.435.003.776</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	23.524.460.928	12.435.003.776
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>124.607.804.099</b>	<b>66.701.633.971</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>124.607.804.099</b>	<b>66.701.633.971</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	50.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.722.740.999	3.534.309.465
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		19.885.063.100	13.167.324.506
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		5.829.551.535	5.024.447.612
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		14.055.511.565	8.142.876.894
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>362.574.493.583</b>	<b>274.380.682.356</b>

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*



*[Handwritten signature]*

Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Đào Gia Thắng  
Kế toán trưởng

Hoàng Công Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm	
			2015	2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	292.273.178.295	218.966.824.436
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		292.273.178.295	218.966.824.436
11	4. Giá vốn hàng bán	20	250.069.656.433	185.299.096.685
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.203.521.862	33.667.727.751
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.218.199.243	51.951.223
22	7. Chi phí tài chính	22	11.036.205.932	6.573.899.039
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>10.723.409.654</i>	<i>6.573.837.893</i>
25	8. Chi phí bán hàng	23	44.181.818	174.045.456
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	16.652.479.267	13.265.804.265
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		18.688.854.088	13.705.930.214
31	11. Thu nhập khác	25	224.603.092	98.034.482
32	12. Chi phí khác	26	790.102.658	2.632.647.669
40	13. Lợi nhuận khác		(565.499.566)	(2.534.613.187)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.123.354.522	11.171.317.027
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	4.067.842.957	3.028.440.133
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>14.055.511.565</u>	<u>8.142.876.894</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.718	1.481

*[Signature]*

*[Signature]*



*[Signature]*

Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Đào Gia Thắng  
Kế toán trưởng

Hoàng Công Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.123.354.522	11.171.317.027
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		9.597.278.977	6.748.917.127
03	- Các khoản dự phòng		115.062.363	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	61.146
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(510.435.321)	(96.937.351)
06	- Chi phí lãi vay		10.723.409.654	6.573.837.893
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.048.670.195	24.397.195.842
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(12.324.143.714)	(27.865.029.176)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(36.172.181.308)	(30.900.579.872)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11.743.225.382	40.903.739.581
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.422.154.288)	(1.610.585.295)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(18.286.671.886)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.687.333.500)	(6.555.963.648)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.473.257.531)	(4.578.895.462)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		149.500.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.047.114.754)	(657.344.372)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(33.471.461.404)	(6.867.462.402)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(34.097.592.952)	(24.780.813.908)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		227.272.727	83.375.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(250.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		454.162.594	35.267.890
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(33.666.157.631)	(24.662.171.018)
	<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		45.000.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		280.165.522.788	174.348.028.035
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(256.053.495.334)	(142.888.417.189)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(2.450.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		69.112.027.454	29.009.610.846

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.974.408.419	(2.520.022.574)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.824.868.599	18.344.952.319
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(61.146)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>17.799.277.018</u>	<u>15.824.868.599</u>

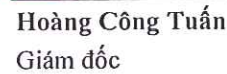


Lê Thị Thu Hiền  
Người lập



Đào Gia Thắng  
Kế toán trưởng



  
Hoàng Công Tuấn  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2016



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ, xây lắp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trụ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê nhân trực có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 - Chi  
nhánh Phía Nam

Địa chỉ  
Sóc Trăng, Việt  
Nam

Hoạt động kinh doanh chính  
Xây lắp



## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chi tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 35.

### 2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### 2.5 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại đối với tiền gửi có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.7 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.8 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.



## 2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

## 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.13 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.15 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



## 2.18 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

## 2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	547.178.595	475.116.467
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.252.098.423	9.349.752.132
Các khoản tương đương tiền	-	6.000.000.000
	<u>17.799.277.018</u>	<u>15.824.868.599</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	250.000.000	250.000.000	-	-
	<b>250.000.000</b>	<b>250.000.000</b>	-	-

(\*) Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số 01/2015/283367/HĐTG ngày 06/05/2015, số tiền gửi 250.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng từ 06/05/2015 đến 06/05/2016. Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn dùng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây.

**b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	18.286.671.886	23.690.000.000	-	-
<i>Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam</i>	18.286.671.886	23.690.000.000	-	-
	<b>18.286.671.886</b>	<b>23.690.000.000</b>	-	-

Công ty xác định giá trị hợp lý của Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam theo giá trị thị trường tại thời điểm 31/12/2015.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty CP Sông Đà 9	13.407.291.679	7.779.108.494
VPĐD TCT Sông Đà - Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	14.300.024.926	14.141.845.548
Công ty CP Licogi 13	15.643.046.996	54.943.559.157
Công ty CP Sông Đà 5	12.922.369.957	-
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - CTCP	11.227.394.000	-
Chi nhánh TCT CP Dịch vụ KT Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành Nhiệt điện Long Phú	11.321.376.061	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	27.411.563.817	29.369.955.910
	<u>106.233.067.436</u>	<u>106.234.469.109</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	106.233.067.436	106.234.469.109
	<u>106.233.067.436</u>	<u>106.234.469.109</u>

**6 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	4.458.970.142	-	3.589.082.553	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	13.000.000	-
Phải thu tiền vật tư tạm ứng cho các công trình	1.166.850.555	-	1.017.633.393	-
Phải thu tiền tạm ứng lương cho người lao động	811.721.694	-	302.279.483	-
Tiền bán chứng khoán 3 ngày cuối chưa về	1.861.703.250	-	-	-
Công ty CP Sản xuất thương mại và KT toàn cầu Hitec	1.298.150.000	-	-	-
Tiền khối lượng tại Công trình Hạ Long	381.192.683	-	-	-
Phải thu khác	1.057.714.765	-	844.778.063	-
	<u>11.036.303.089</u>	<u>-</u>	<u>5.766.773.492</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	8.000.000	-	196.496.190	-
	<u>8.000.000</u>	<u>-</u>	<u>196.496.190</u>	<u>-</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**7 . NỢ XẤU**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Chi nhánh TCT Thành An tại Hoà Bình	266.288.815	-	266.288.815	-
- Công ty CAVICO Việt Nam xây dựng giao thông	70.000.737	-	70.000.737	-
- Các khoản khác	383.541.210	-	383.541.210	115.062.363
	<u>719.830.762</u>	<u>-</u>	<u>719.830.762</u>	<u>115.062.363</u>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.582.323.285	(21.037.532)	6.910.015.793	(21.037.532)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	102.417.619.119	-	70.917.745.303	-
	<u>113.999.942.404</u>	<u>(21.037.532)</u>	<u>77.827.761.096</u>	<u>(21.037.532)</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công trình QL1 - Phú Yên	11.842.870.189	11.842.870.189	6.853.461.220	6.853.461.220
Công trình đường Hồ Chí Minh - Đà Nẵng	11.950.088.865	11.950.088.865	-	-
Công trình đường Thà Lâu - Sầm Tày tại Lào (gói 2)	6.679.214.354	6.679.214.354	-	-
Công trình Lèng Beng - Lào	4.995.922.718	4.995.922.718	4.030.771.143	4.030.771.143
Công trình Thủy điện Lai Châu	5.575.840.859	5.575.840.859	5.536.459.495	5.536.459.495
Công trình bến nhập thiết bị Nhiệt điện Long Phú	26.191.664.095	26.191.664.095	-	-
Hạng mục đóng cọc nhà máy Nhiệt điện Long Phú	24.486.033.040	24.486.033.040	-	-
Các công trình khác	10.695.984.999	10.695.984.999	54.497.053.445	54.497.053.445
	<u>102.417.619.119</u>	<u>102.417.619.119</u>	<u>70.917.745.303</u>	<u>70.917.745.303</u>

**9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.213.907.221	1.213.907.221
- Chi phí xây dựng văn phòng tại Đà Nẵng	1.213.907.221	1.213.907.221
Mua sắm tài sản cố định	390.000.000	-
- Ô tô tải có cần cầu Hyundai	390.000.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.065.893.000	-
- Sửa chữa xe ô tô tại công trình	1.065.893.000	-
	<u>2.669.800.221</u>	<u>1.213.907.221</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**10 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	11.221.128.927	45.935.782.286	35.429.405.238	327.732.372	92.914.048.823					
- Mua trong năm	-	21.869.909.953	3.274.135.454	47.654.545	25.191.699.952					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(252.000.000)	-	-	(252.000.000)					
Số dư cuối năm	11.221.128.927	67.553.692.239	38.703.540.692	375.386.917	117.853.748.775					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	5.956.580.568	16.090.867.065	9.792.282.626	186.116.822	32.025.847.081					
- Khấu hao trong năm	280.528.224	5.292.453.836	3.963.012.401	61.284.516	9.597.278.977					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(81.000.000)	-	-	(81.000.000)					
Số dư cuối năm	6.237.108.792	21.302.320.901	13.755.295.027	247.401.338	41.542.126.058					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	5.264.548.359	29.844.915.221	25.637.122.612	141.615.550	60.888.201.742					
Tại ngày cuối năm	4.984.020.135	46.251.371.338	24.948.245.665	127.985.579	76.311.622.717					

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 71.968.283.442 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.732.614.308 đồng.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	560.431.968	230.944.150
	<u>560.431.968</u>	<u>230.944.150</u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	723.477.489	1.850.551.493
Chi phí sửa chữa văn phòng	3.656.029.334	436.288.860
	<u>4.379.506.823</u>	<u>2.286.840.353</u>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Đại Minh	4.832.027.136	4.832.027.136	4.421.766.520	4.421.766.520
Công ty CP DVC Việt Nam	8.734.221.171	8.734.221.171	15.820.081.569	15.820.081.569
Công ty CP SCI	6.827.454.670	6.827.454.670	35.579.443	35.579.443
Xí nghiệp Sông Đà 203	3.712.847.344	3.712.847.344	-	-
Phải trả các đối tượng khác	21.228.310.598	21.228.310.598	15.514.486.151	15.514.486.151
	<u>45.334.860.919</u>	<u>45.334.860.919</u>	<u>35.791.913.683</u>	<u>35.791.913.683</u>
<b>b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán</b>				
Phải trả người bán ngắn hạn	45.334.860.919	45.334.860.919	35.791.913.683	35.791.913.683
	<u>45.334.860.919</u>	<u>45.334.860.919</u>	<u>35.791.913.683</u>	<u>35.791.913.683</u>
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết tại thuyết minh số 34.)</b>				
	<u>6.827.454.670</u>	<u>6.827.454.670</u>	<u>35.579.443</u>	<u>35.579.443</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**  
 Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ  
 Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	913.214.697	5.350.091.090	6.263.305.787	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.819.655.670	4.141.100.488	2.473.257.531	-	-	-	-	-	-	-	4.487.498.627
Thuế Thu nhập cá nhân	-	994.579.111	394.673.534	1.170.771.210	-	-	-	-	-	-	-	218.481.435
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	286.759.450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	286.759.450
Các loại thuế khác	-	5.190.507	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.620.419.329	522.981.591	3.037.451.179	-	-	-	-	-	-	-	105.949.741
	-	<b>7.639.818.764</b>	<b>10.408.846.703</b>	<b>12.944.785.707</b>	-	-	-	-	-	-	-	<b>5.103.879.760</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	184.758.709	148.682.555
- Trích trước chi phí công trình Núi Pháo	-	3.942.212.727
- Trích trước chi phí công trình Kè Sông Hồng	-	83.333.636
- Tiền vật tư sử dụng quá định mức phải trả	470.085.917	-
- Trích trước tiền thuê ca máy	2.486.052.727	-
- Chi phí phải trả khác	152.045.230	46.590.684
	<u><u>3.292.942.583</u></u>	<u><u>4.220.819.602</u></u>

**15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	115.916.567	56.304.865
- Bảo hiểm xã hội	301.252.777	416.196.192
- Bảo hiểm thất nghiệp	20.260.000	10.772.282
- Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	1.024.496.181	1.195.366.233
- Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	3.782.722	284.982.033
- Ứng trước tiền bán chứng khoán	1.857.482.664	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.078.402.847	223.623.672
	<u><u>4.401.593.758</u></u>	<u><u>2.187.245.277</u></u>







**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**  
 Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,  
 Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn  
 Số: 232/2016/BC.KTTC-AAASC.KT2

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015	Mục đích vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/283367/HĐTĐ ngày 26 tháng 06 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 31/12/2015 là 8,3%	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	80.583.783.011 80.583.783.011	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh Hợp đồng cấp tín dụng số 15106/HM/HĐTĐ.DAH ngày 29 tháng 06 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể, lãi suất của các khoản vay tại 31/12/2015 từ 8,2% đến 8,7%	Thời gian rút vốn tín dụng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng, thời hạn thanh toán tối đa 09 tháng áp dụng cho từng lần rút vốn	9.893.317.075 9.893.317.075	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái quy định pháp luật
	<b>Tổng cộng</b>			<b>90.477.100.086</b>	





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**  
Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây			28.316.223.140	7.620.512.212	
	HỆTD số 01/2011/HĐ ngày 17/06/2011	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	89.000.000	89.000.000	Đầu tư 01 máy ủi - Nâng cao năng lực thiết bị thi công
	HỆTD số 02/2011/HĐ ngày 07/10/2011 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.395.000.000	1.395.000.000	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2011
	HỆTD số 01/2012/HĐ ngày 26/06/2012	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	300.000.000	200.000.000	Đầu tư cho dự án đầu tư xe máy thiết bị năm 2012 - Giai đoạn 1
	HỆTD số 02/2012/HĐ ngày 29/10/2012 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	3.937.287.776	2.200.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2012 - Giai đoạn 1
	HỆTD số 02/2014/283367/HỆTD ngày 18/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.095.000.000	292.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3
	HỆTD số 03/2014/283367/HỆTD ngày 20/11/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	3.354.400.000	838.600.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5
	HỆTD số 04/2014/283367/HỆTD ngày 20/12/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	5.790.000.000	1.443.600.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 6
	HỆTD số 01/2015/283367/HỆTD ngày 02/02/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	758.000.000	192.000.000	Mua xe ô tô BMW 320i
	HỆTD số 02/2015/283367/HỆTD ngày 05/03/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.510.165.250	355.332.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 7





**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**  
Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì,  
Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2015 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới (VND)	Mục đích vay
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây			28.316.223.140	7.620.512.212	
	HỆTD số 02/2015/283367/HỆTD ngày 11/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	7.132.014.114		Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015
	HỆTD số 03/2015/283367/HỆTD ngày 28/09/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.661.656.000	614.980.212	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 2
	Bảng kê rút vốn ngày 30/11/2015 của BIDV.	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	293.700.000		Thanh toán tiền mua máy phát điện 375 KVA, và 60 KVA.
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh			4.198.950.000	1.370.200.000	
	HỆTD số DAH-HỆCTD/14082 ngày 22/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	457.500.000	122.000.000	Thanh toán một phần tiền mua xe Ranger Wildtrak 3.2
	HỆTD số DAH-HỆCTD/14084 ngày 10/10/2014 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.077.700.000	287.200.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3
	HỆTD số DAH-HỆCTD/14102 ngày 24/10/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	42 tháng	1.298.250.000	577.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 4
	HỆTD số DAH-HỆCTD/14108 ngày 24/10/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	42 tháng	527.500.000	208.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5
	HỆTD số 15189/TH.HỆTD.DAH ngày 26/08/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	838.000.000	176.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015 - Giai đoạn 1
	<b>Tổng cộng</b>			<b>32.515.173.140</b>	<b>8.990.712.212</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	2.573.672.663	6.797.424.041	59.371.096.704
Lãi trong năm trước	-	-	8.142.876.894	8.142.876.894
Phân phối lợi nhuận	-	960.636.802	(1.772.976.429)	(812.339.627)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	3.534.309.465	13.167.324.506	66.701.633.971
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	3.534.309.465	13.167.324.506	66.701.633.971
Tăng vốn trong năm nay (1)	50.000.000.000	-	(5.000.000.000)	45.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	14.055.511.565	14.055.511.565
Phân phối lợi nhuận (2)	-	1.188.431.534	(1.822.261.686)	(633.830.152)
Giảm khác (3)	-	-	(515.511.285)	(515.511.285)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	4.722.740.999	19.885.063.100	124.607.804.099

(1) Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 214/SICCO-BCKQ ngày 20 tháng 07 năm 2015 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tổng số cổ phiếu đã phát hành 5.000.000 cổ phiếu, trong đó: cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014 phát hành thành công 500.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 5 tỷ đồng (được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối), cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 4.500.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 45 tỷ đồng. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 45 tỷ đồng.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN  
CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG**

STT	Nội dung sử dụng vốn	Số tiền			Ghi chú
		Dự kiến sử dụng	Đã sử dụng	Chưa sử dụng	
1	Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ các hợp đồng đã ký kết	10.000.000.000	6.702.686.284	3.297.313.716	
2	Bổ sung vốn lưu động để triển khai các hợp đồng đã ký kết	35.000.000.000	35.000.000.000	-	
	Tổng cộng	45.000.000.000	41.702.686.284	3.297.313.716	

(2) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2015 số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCD ngày 24/04/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100,00%	7.922.876.894
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	1.188.431.534
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	633.830.152
Trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 10% vốn điều lệ)	63,11%	5.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	13,89%	1.100.615.208

(3) Chi phí hợp đại hội đồng cổ đông và điều chỉnh thuế năm 2014 được Hội đồng quản trị thống nhất ghi giảm Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Vốn góp của Công ty Cổ phần SCI	51,00%	51.000.000.000	0,00%	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	7,81%	7.810.000.000	5,00%	2.500.000.000
- Các cổ đông khác	41,19%	41.190.000.000	95,00%	47.500.000.000
	<b>100%</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>50.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000	50.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	50.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	50.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.722.740.999	3.534.309.465
	<b>4.722.740.999</b>	<b>3.534.309.465</b>

**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	113,92	94,73

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	278.453.385.403	205.174.781.179
Doanh thu bán hàng hóa	10.410.709.616	12.403.639.678
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.409.083.276	1.388.403.579
	<b>292.273.178.295</b>	<b>218.966.824.436</b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	<b>2.457.566.932</b>	<b>82.243.688</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	237.477.214.952	172.795.289.441
Giá vốn của hàng hóa đã bán	10.026.963.579	11.307.599.284
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.565.477.902	1.196.207.960
	<b>250.069.656.433</b>	<b>185.299.096.685</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	104.162.594	51.951.223
Lãi bán các khoản đầu tư	3.764.036.649	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	350.000.000	-
	<b>4.218.199.243</b>	<b>51.951.223</b>

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	10.723.409.654	6.573.837.893
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	246.653.717	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	61.146
Chi phí tài chính khác	66.142.561	-
	<b>11.036.205.932</b>	<b>6.573.899.039</b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.181.818	174.045.456
	<b>44.181.818</b>	<b>174.045.456</b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.577.109.479	1.193.003.994
Chi phí nhân công	6.457.694.854	7.378.590.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.150.586.946	701.799.945
Thuế, phí, lệ phí	425.941.116	271.835.859
Chi phí dự phòng	115.062.363	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.976.867.090	1.879.373.452
Chi phí khác bằng tiền	2.949.217.419	1.841.200.548
	<b>16.652.479.267</b>	<b>13.265.804.265</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	56.272.727	75.795.455
Thu nhập từ bán thiết bị sản xuất	163.636.364	-
Tiền thưởng mua xi măng từ CTCP Xi măng Hạ Long	-	15.089.027
Thu nhập khác	4.694.001	7.150.000
	<b>224.603.092</b>	<b>98.034.482</b>

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	38.388.872
Tiền phạt và truy thu thuế	486.967.157	2.530.030.745
Tiền phạt chậm nộp BHXH	32.873.581	64.228.052
Giá trị còn lại của thiết bị sản xuất	269.931.818	-
Chi phí khác	330.102	-
	<b>790.102.658</b>	<b>2.632.647.669</b>

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.123.354.522	11.171.317.027
Các khoản điều chỉnh tăng	716.840.738	2.594.319.943
- Chi phí không hợp lệ	519.840.738	2.594.258.797
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	61.146
- Chi phí phát hành tăng vốn	197.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(350.000.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(350.000.000)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	18.490.195.260	13.765.636.970
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)</b>	<b>4.067.842.957</b>	<b>3.028.440.133</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	73.257.531	10.006.818
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	2.819.655.670	4.360.104.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(2.473.257.531)	(4.578.895.462)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>4.487.498.627</b>	<b>2.819.655.670</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	14.055.511.565	8.142.876.894
Các khoản điều chỉnh	(1.124.440.925)	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	(1.124.440.925)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	12.931.070.640	8.142.876.894
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	7.527.473	5.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.718</b>	<b>1.481</b>

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu. (\*) Công ty đang tạm tính dựa trên tỷ lệ phân phối lợi nhuận của Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2015 số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015, tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi là 8%.

Do trong kỳ Công ty thực hiện phát hành 500.000 cổ phiếu để tạm ứng cổ tức từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các Cổ đông hiện hữu theo đó Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 và Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính khi số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
<b>Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.481	1.629

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.480.598.542	38.230.736.124
Chi phí nhân công	20.344.329.405	15.651.767.099
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.597.278.977	6.748.917.127
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.380.062.422	108.528.459.898
Chi phí khác bằng tiền	58.973.868.912	44.485.426.351
	<b>279.776.138.258</b>	<b>213.645.306.599</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.799.277.018	-	15.824.868.599	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	117.277.370.525	-	112.197.738.791	-
Đầu tư ngắn hạn	18.536.671.886	-	-	-
	<u>153.613.319.429</u>	<u>-</u>	<u>128.022.607.390</u>	<u>-</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			122.992.273.226	98.880.245.772
Phải trả người bán, phải trả khác			49.736.454.677	37.979.158.960
Chi phí phải trả			3.292.942.583	4.220.819.602
			<u>176.021.670.486</u>	<u>141.080.224.334</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì,  
Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.799.277.018	-	-	17.799.277.018
Phải thu khách hàng, phải thu khác	117.277.370.525	-	-	117.277.370.525
Đầu tư ngắn hạn	18.536.671.886	-	-	18.536.671.886
	<u>153.613.319.429</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>153.613.319.429</u>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.824.868.599	-	-	15.824.868.599
Phải thu khách hàng, phải thu khác	112.197.738.791	-	-	112.197.738.791
	<u>128.022.607.390</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>128.022.607.390</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>				
Vay và nợ	99.467.812.298	23.524.460.928	-	122.992.273.226
Phải trả người bán, phải trả khác	49.736.454.677	-	-	49.736.454.677
Chi phí phải trả	3.292.942.583	-	-	3.292.942.583
	<u>152.497.209.558</u>	<u>23.524.460.928</u>	<u>-</u>	<u>176.021.670.486</u>
<b>Tại ngày 01/01/2015</b>				
Vay và nợ	86.445.241.996	12.435.003.776	-	98.880.245.772
Phải trả người bán, phải trả khác	37.979.158.960	-	-	37.979.158.960
Chi phí phải trả	4.220.819.602	-	-	4.220.819.602
	<u>128.645.220.558</u>	<u>12.435.003.776</u>	<u>-</u>	<u>141.080.224.334</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mỹ Trì,  
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**31 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<b>Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	280.165.522.788	174.348.028.035
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	256.053.495.334	142.888.417.189

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 05/01/2016, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu SCI, số lượng cổ phiếu niêm yết lần đầu là 10.000.000 cổ phiếu.

Ngoài sự kiện nêu trên không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động xây lắp và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
<b>Góp vốn</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	51.000.000.000	
<b>Mua hàng</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	11.344.513.698	135.413.000
<b>Bán hàng</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	2.457.566.932	82.243.688

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	6.827.454.670	35.579.443

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.743.956.984	1.268.807.915

  
 CÔNG TY  
 NHẬN H  
 KIỂM  
 AAS  
 KIỂM



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9**

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>						
131	1. Phải thu khách hàng	106.234.469.109	131	1. Phải thu ngân hạn của khách hàng	106.234.469.109	-
132	2. Trả trước cho người bán	3.765.814.401	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	3.765.814.401	-
135	5. Các khoản phải thu khác	2.164.690.939	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5.766.773.492	3.602.082.553
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	3.602.082.553	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(3.602.082.553)
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	216	6. Phải thu dài hạn khác	196.496.190	196.496.190
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.213.907.221	242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.213.907.221	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	196.496.190	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(196.496.190)
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	86.445.241.996	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	86.445.241.996	-
312	2. Phải trả người bán	35.791.913.683	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	35.791.913.683	-
313	3. Người mua trả tiền trước	48.855.307.235	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	48.855.307.235	-
316	6. Chi phí phải trả	4.220.819.602	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	4.220.819.602	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.187.245.277	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	2.187.245.277	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	12.435.003.776	338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12.435.003.776	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	50.000.000.000	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	2.621.244.950	411a	- <i>Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	913.064.515	411b	- <i>Có phiếu ưu đãi</i>	-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.167.324.506	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	3.534.309.465	913.064.515
			421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.167.324.506	(913.064.515)
			421a	- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm</i>	5.024.447.612	5.024.447.612
			421b	- <i>LNST chưa phân phối năm này</i>	8.142.876.894	8.142.876.894

*Luw*

*gleece*



Lê Thị Thu Hiền  
Người lập

Đào Gia Thắng  
Kế toán trưởng

Hoàng Công Tuấn  
Giám đốc